TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/DS-PT
Ngày: 30- 5- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 23/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ cũ: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ mới: thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Quang D, sinh năm: 1964. Địa chỉ: khu phố B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* :

+ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị H

Tại phiên tòa có mặt ông Mai Quang D và bà Đoàn Thị H; vắng mặt ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:*

Do hai bên có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước, vì vậy vào ngày 16/8/2021 ông T có cho bà Đoàn Thị H vay số tiền tổng cộng 133.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày, mục đích để bà H đáo hạn ngân hàng, đến ngày 19/8/2021 bà Đoàn Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông T.

Do thời điểm này dịch Covid 19 đang bùng phát phải thực hiện CT16 nên ông T cho bà H vay với hình thức chuyển khoản 02 lần, lần 1 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lần 2 là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), tổng cộng là 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng) cùng trong ngày 16/8/2021. Đã quá hạn ông T đã nhiều lần yêu cầu bà Đoàn Thị H trả nhưng bà H cứ hứa hẹn không chịu trả. Nay, ông T yêu cầu bà Đoàn Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông T ngay số tiền 133.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi suất. Ông T xác định đây là giao dịch vay tiền chỉ giữa ông T với bà H, vì vậy ông T chỉ yêu cầu một mình bà H trả ngay số tiền trên cho ông T.

** Bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày :*

Bà Đoàn Thị H xác nhận bà có nhận số tiền tổng cộng là 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng) của ông Đỗ Văn T do ông T chuyển khoản 02 lần, lần 1 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lần 2 là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) vào ngày 16/8/2021. Tuy nhiên, đây là số tiền ông T trả cho bà H để bà H đáo hạn Ngân hàng vì trước đây giữa ông T và bà Nguyễn Thị Kim T1 tự xưng là vợ chồng và có nhận số tiền trên 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) của bà H để mua đất đai nhưng chưa trả lại cho bà H. Bà H không có vay mượn tiền gì của ông Đỗ Văn T. Nay, bà H không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q trình bày :*

Thời gian qua vợ chồng ông Q có đưa cho vợ chồng ông T và Ú (tên thường gọi của bà T1) số tiền trên 10 tỷ đồng và sau khi dịch bệnh Chỉ thị 16 không xuống lấy được thì vợ chồng ông Q gọi điện cho vợ chồng ông T chuyển cho vợ chồng ông Q số tiền 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng). Nay ông T đòi lại số tiền đó là ông Q không chấp nhận, vì số tiền vợ

chồng ông Q đưa cho vợ chồng ông T thì chuyển lại cho vợ chồng ông Q chứ không có mượn số tiền này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày :*

Bà T1 và bà Đoàn Thị H chỉ quen biết nhau thông qua việc làm ăn mua bán đất đai. Bà T1 với ông Đỗ Văn T chỉ là bạn bè, ông T là tài xế lái xe của bà T1, không có sống chung và không có đăng ký kết hôn gì cả. Bà T1 chỉ biết vào khoảng tháng 8 năm 2021 ông Đỗ Văn T có cho bà Đoàn Thị H mượn số tiền tổng cộng 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản do thời điểm này dịch đang bùng phát thực hiện Chỉ thị 16 của Chính phủ. Sự việc bà T1 chỉ biết như vậy. Số tiền 133.000.000 đồng ông T cho bà H mượn không có liên quan gì đối với số tiền giao dịch mua bán đất đai giữa bà T1 và bà H. Đây là số tiền ông T cho bà H mượn không có liên quan gì với bà T1. Bà H trình bày là không đúng sự thật. Việc ông T cho bà H mượn tiền là chỉ giao dịch giữa ông T với bà H, không có liên quan gì đến bà T1. Không có việc cấn trừ số tiền gì cả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 95, Điều 147, Điều 288 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T. Buộc bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 10 năm 2022, bị đơn bà Đoàn Thị H có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xử không khách quan nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trên và yêu cầu bổ sung sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn bà Đoàn Thị H kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Kim T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xuất phát từ quan hệ quen biết, nên vào ngày 16/8/2021 nguyên đơn ông Đỗ Văn T có cho bị đơn bà Đoàn Thị H vay số tiền 133.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cùng trong một ngày 16/8/2021, lần 1 là 100.000.000 đồng và lần 2 là 33.000.000 đồng, mục đích để bà H đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 03 ngày (từ ngày 16/8/2021 đến ngày 19/8/2021). Việc giao dịch vay số tiền 133.000.000 đồng chỉ diễn ra giữa ông Đỗ Văn T và bà Đoàn Thị H, nên ông T chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị H phải trả cho ông số tiền 133.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi ông không yêu cầu.

Bị đơn bà Đoàn Thị H cũng thừa nhận có nhận của ông Đỗ Văn T số tiền 133.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 16/8/2021 như ông T khai là đúng. Do đó, căn cứ vào sự thừa nhận của bà H là phù hợp với lời khai của ông T và các tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp là các giấy giao dịch chuyển khoản, chứng từ do Ngân hàng TMCP K cung cấp có trong hồ sơ vụ án, nên xác định ông T có cho bà H vay số tiền 133.000.000 đồng và bà H đã nhận số tiền này là đúng sự thật. Tuy nhiên, bà H cho rằng đây là số tiền ông T chuyển trả nợ cho bà có trong số tiền 4.555.000.000 đồng trước đây ông T và bà T1 có nhận của bà để mua đất nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của bà là có căn cứ và hợp pháp nên ý kiến của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà H phải trả cho ông T số tiền vay gốc 133.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Đối với số tiền liên quan đến việc nhận tiền cọc để mua đất giữa bà Đoàn Thị H với bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Đỗ Văn T, bà Đoàn Thị H đã

làm đơn tố cáo và hiện đang được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L xác minh làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đoàn Thị H yêu cầu xem xét giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng mà bà H đã chuyển cho ông Đỗ Văn T đưa cho bà T1 đặt cọc mua đất để trừ số tiền 133.000.000 đồng mà ông T đã chuyển cho bà. Hiện số tiền này liên quan đến tố cáo của bà H đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã L xác minh làm rõ. Mặc khác, tại phiên tòa sơ thẩm bà H không có đơn yêu cầu phản tố. Do đó, nếu bà H có chứng cứ để chứng minh yêu cầu trên thì bà có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

[2] Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

[3] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn T. Buộc bà Đoàn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu 6.650.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 3.325.000 đồng (*Ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số 0006962 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010447 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/5/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hs vụ án, Tổ HCTP; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phong Lan